

**CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

Số 230 Đại Lộ Bình Dương, P.Phú Hòa, TP.TDM, BD

**MST: 3700805566**

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
QUÝ 2 NĂM 2016**

*Tháng 07/2016*

**CTY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

Số 230 Đại Lộ Bình Dương, P.Phú Hòa, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương  
Mã số thuế: 3700805566

Mẫu số B01-DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của BTC)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

ĐVT: đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU KỲ
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>5.646.775.147.284</b>	<b>5.465.296.600.655</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>47.834.096.479</b>	<b>66.849.913.736</b>
1. Tiền	111		17.061.927.869	17.722.772.823
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.772.168.610	49.127.140.913
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>798.495.027.597</b>	<b>829.298.434.442</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03a	760.018.163.366	788.389.775.042
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	4.671.128.721	4.793.739.221
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05a	33.805.735.510	36.114.920.179
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>4.638.261.280.436</b>	<b>4.436.497.409.007</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.06	4.638.261.280.436	4.436.497.409.007
2. Dự phòng giảm giá tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>162.184.742.772</b>	<b>132.650.843.470</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07a	2.442.945.861	2.442.885.861
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		159.741.796.911	130.184.337.144
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153		-	23.620.465
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.790.366.862.404</b>	<b>1.809.362.628.252</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>807.626.568.784</b>	<b>822.410.467.872</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03b	336.742.477.325	351.926.705.796
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.05b	470.884.091.459	470.483.762.076
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>572.791.221.437</b>	<b>580.948.853.125</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	570.948.640.253	578.995.151.767

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU KỲ
- Nguyên giá	222		872.707.880.590	872.707.880.590
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(301.759.240.337)	(293.712.728.823)
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>224</b>		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		-	-
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	<b>V.09</b>	<b>1.842.581.184</b>	<b>1.953.701.358</b>
- Nguyên giá	228		4.836.480.685	4.836.480.685
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(2.993.899.501)	(2.882.779.327)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.10</b>	<b>172.429.228.101</b>	<b>173.357.151.861</b>
- Nguyên giá	231		185.090.978.661	185.090.978.661
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(12.661.750.560)	(11.733.826.800)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>203.511.864.431</b>	<b>198.758.842.688</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.11	203.511.864.431	198.758.842.688
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>17.377.481.005</b>	<b>17.377.481.005</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.02	17.377.481.005	17.377.481.005
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>16.630.498.646</b>	<b>16.509.831.701</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07b	16.630.498.646	16.509.831.701
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>7.437.142.009.688</b>	<b>7.274.659.228.907</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>4.573.573.608.493</b>	<b>4.304.345.388.746</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.550.416.671.813</b>	<b>2.216.765.686.888</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12a	1.304.044.263.388	1.057.024.518.660
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	7.806.509.277	8.488.651.158
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	3.892.595.958	3.197.327.460
4. Phải trả người lao động	314	V.15	1.883.125.041	2.078.795.775
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16a	226.285.905.179	278.814.180.521
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	591.487.670.915	480.780.107.486
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	413.361.593.328	386.382.105.828
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	1.655.008.727	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỶ	SỐ ĐẦU KỶ
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.023.156.936.680</b>	<b>2.087.579.701.858</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12b	568.300.583.500	403.982.110.500
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.16b	-	181.223.668.189
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.20	7.753.353.180	7.828.923.169
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	228.000.000	295.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	1.446.875.000.000	1.494.250.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
<b>D.VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.863.568.401.195</b>	<b>2.970.313.840.161</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.21</b>	<b>2.863.568.401.195</b>	<b>2.970.313.840.161</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.741.945.250.000	2.741.945.250.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A		2.741.945.250.000	2.741.945.250.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411B		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.420.226.000	10.420.226.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		81.606.382.163	81.606.382.163
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		29.596.543.032	136.341.981.998
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A		6.308.717.028	119.424.960.363
- LNST chưa phân phối kỳ này	421B		23.287.826.004	16.917.021.635
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn KP đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>7.437.142.009.688</b>	<b>7.274.659.228.907</b>

Người lập biểu

BÙI THỊ THÙY

Kế toán trưởng

TRỊNH THANH HÙNG

Ngày 20 Tháng 07 Năm 2016

Tổng giám đốc



Đ. QUANG NGÔN

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 2 Năm 2016

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 2 Năm 2016	Quý 2 Năm 2015	6 tháng năm 2016	6 tháng năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	106.791.755.378	163.228.408.491	199.164.719.052	284.054.618.980
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	10.684.227.031	1.375.566.819	13.949.213.784	2.184.150.892
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		96.107.528.347	161.852.841.672	185.215.505.268	281.870.468.088
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	51.289.167.242	92.747.541.193	91.136.688.374	152.701.753.147
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		44.818.361.105	69.105.300.479	94.078.816.894	129.168.714.941
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	525.901.776	285.638.224	1.191.039.769	562.609.683
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.5	28.422.585.852	28.411.775.435	47.921.486.304	39.146.337.974
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		25.164.777.902	25.153.967.426	41.405.870.405	32.666.522.163
8. Chi phí bán hàng	24	VI.6	4.688.359.245	8.690.085.417	8.998.033.414	16.942.290.515
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	5.499.030.679	6.214.032.852	11.936.259.851	10.784.315.084
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		6.734.287.105	26.075.044.999	26.414.077.094	62.858.381.051
11. Thu nhập khác	31	VI.8	747.883.273	37.832.800	1.242.410.514	114.318.116
12. Chi phí khác	32	VI.9	1	17.041.281	59.968.136	58.748.897
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		747.883.272	20.791.519	1.182.442.378	55.569.219
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		7.482.170.377	26.095.836.518	27.596.519.472	62.913.950.270
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.14	1.111.366.008	4.208.298.848	4.308.693.468	10.656.730.405
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50+51-52)	60		6.370.804.369	21.887.537.670	23.287.826.004	52.257.219.865
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý 2/2016 giảm 71% so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân:  
 Trong quý 2/2016 tổng doanh thu ghi nhận giảm 40% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù kỳ này doanh thu hoạt động thu phí tăng 8%, phát sinh doanh thu từ thi công xây dựng nhưng doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản giảm 85% nên tổng doanh thu giảm dẫn đến lợi nhuận giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước

Người lập biểu



BÙI THỊ THỦY

Kế toán trưởng



TRỊNH THANH HÙNG



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2 Năm 2016	Quý 2 Năm 2015
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.482.170.377	26.095.836.518
2. Điều chỉnh cho các khoản:			-	-
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	V.8,9,10	9.085.555.448	9.122.959.035
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(481.811.485)	(333.092.404)
- Chi phí lãi vay	06		25.164.777.902	25.153.967.426
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		41.250.692.242	60.039.670.575
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		12.979.931.851	(124.426.865.654)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(178.347.101.507)	(478.903.795.937)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		171.229.053.011	698.515.240.597
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(120.726.945)	681.195.320
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(44.162.089.806)	(59.664.901.372)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.197.327.460)	(6.523.771.587)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	63.122.763.450
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.783.424.608)	(61.716.807.266)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(2.150.993.222)</b>	<b>91.122.728.126</b>
			-	-
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(145.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2 Năm 2016	Quý 2 Năm 2015
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.555.346.265	4.380.752.931
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>3.555.346.265</i>	<i>4.235.752.931</i>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	100.996.677.383	247.902.215.871
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(121.392.189.883)	(332.631.312.243)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(24.657.800)	(24.375.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(20.420.170.300)</i>	<i>(84.753.471.372)</i>
			-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	<i>50</i>		<i>(19.015.817.257)</i>	<i>10.605.009.685</i>
			-	-
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	<i>60</i>	<i>V.1</i>	<i>66.849.913.736</i>	<i>62.508.200.098</i>
			-	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	<i>70</i>	<i>V.1</i>	<i>47.834.096.479</i>	<i>73.113.209.783</i>

Người lập biểu



BÙI THỊ THUY

Kế toán trưởng



TRỊNH THANH HÙNG

Ngày 20 tháng 07 năm 2016

Tổng Giám đốc



ĐO QUANG NGÔN

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2016

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2016

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ, kinh doanh bất động sản, xây dựng.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Duy tu, sửa chữa, khai thác thu phí giao thông; Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch, tư vấn, đấu giá, quảng cáo, quản lý bất động sản, kinh doanh bất động sản.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu và lợi nhuận kỳ này giảm so với kỳ trước chủ yếu là do doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản giảm.

#### 6. Cấu trúc Công ty

*Các Công ty con*

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động kinh doanh chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH một thành viên khách sạn Becamex	Becamex Hotel, 230 Đại Lộ Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Kinh doanh nhà hàng và các dịch vụ ăn uống, tổ chức sự kiện, các dịch vụ khách sạn, đại lý vé máy bay, tàu hỏa	100%	100%	100%
Công ty TNHH thương mại Becamex	Becamex Tower, 230 Đại Lộ Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Kinh doanh hoạt động trung tâm thương mại, du lịch, vận tải hành khách, đại lý vé máy bay, tàu hỏa	100%	100%	100%

#### 7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính

#### 8. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 Công ty có 269 nhân viên đang làm việc (đầu kỳ này là 267 nhân viên).



## **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các Thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **3. Đầu tư tài chính**

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### ***Các khoản đầu tư vào công ty con***

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## **4. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Đối với hàng hóa bất động sản và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### **6. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

#### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### ***Chi phí duy tu, sửa chữa Quốc lộ 13***

Các khoản duy tu, sửa chữa Quốc lộ 13 được phân bổ vào chi phí theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

#### ***Thiết bị thu phí tự động***

Các thiết bị thu phí tự động được phân bổ vào chi phí với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

### **7. Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### **8. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 08

### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có phần mềm máy tính.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

### 10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư là 50 năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

### 11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### 12. Trái phiếu thường

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyên đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu nếu việc phân bổ được thực hiện theo phương pháp đường thẳng hoặc ghi tăng phần nợ gốc của trái phiếu nếu việc phân bổ được thực hiện theo phương pháp lãi suất thực tế. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu chuyên đổi được phân bổ bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

### 13. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### 14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

#### *Doanh thu bán bất động sản*

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

### ***Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng***

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

### ***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## **16. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá đã tiêu thụ từ các năm trước, đến kỳ này mới phát sinh giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

## **17. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

### 18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### **21. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### **22. Công cụ tài chính**

#### ***Tài sản tài chính***

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

#### ***Nợ phải trả tài chính***

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

#### ***Công cụ vốn chủ sở hữu***

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### ***Bù trừ các công cụ tài chính***

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 1. Tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền mặt	903.801.096	653.775.483
Tiền gửi ngân hàng	16.158.126.773	17.068.997.340
Các khoản tương đương tiền (*)	30.772.168.610	49.127.140.913
<b>Cộng</b>	<b>47.834.096.479</b>	<b>66.849.913.736</b>

(\*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng.

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư vào Công ty con. Thông tin về các khoản đầu tư vào Công ty con như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty TNHH một thành viên khách sạn Becamex <sup>(i)</sup>	11.377.481.005	-	11.377.481.005	5.377.481.005	-	5.377.481.005
Công ty TNHH một thành viên thương mại Becamex <sup>(ii)</sup>	6.000.000.000	-	6.000.000.000	6.000.000.000	-	6.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>17.377.481.005</b>	<b>-</b>	<b>17.377.481.005</b>	<b>11.377.481.005</b>	<b>-</b>	<b>11.377.481.005</b>

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3701906616, thay đổi lần 06 ngày 06 tháng 9 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH một thành viên khách sạn Becamex (trước đây là Công ty TNHH một thành viên IJC) 6.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Thực hiện theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/NQ- HĐQT ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Công ty đã tăng vốn điều lệ Công ty TNHH một thành viên khách sạn Becamex từ 6.000.000.000 VND lên 12.000.000.000 VND.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702280392, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH một thành viên thương mại Becamex là 6.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.

#### Tình hình hoạt động của các công ty con

Công ty TNHH một thành viên thương mại Becamex chính thức đi vào hoạt động kinh doanh từ ngày 12 tháng 6 năm 2014.

Trong năm 2015, Công ty TNHH một thành viên khách sạn Becamex mở thêm Chi nhánh tại B2 đường Hùng Vương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với hoạt động chính là kinh doanh nhà hàng, khách sạn. Thời gian đầu, Chi nhánh hoạt động chưa hiệu quả, đồng thời chi phí hoạt động năm nay có phần gia tăng do tăng chi phí thuê tòa nhà, làm cho lợi nhuận quý 1 năm nay bị sụt giảm so với cùng kỳ năm trước.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

*Giao dịch với các công ty con*

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty TNHH một thành viên khách sạn Becamex</b>		
Cho thuê mặt bằng, trang thiết bị	1.125.000.000	1.125.000.000
Mua hàng hoá, dịch vụ	84.890.440	263.717.103
<b>Công ty TNHH một thành viên thương mại Becamex</b>		
Mua hàng hoá, dịch vụ	451.570.534	1.697.383.491
Thuê mặt bằng, trang thiết bị	810.000.000	810.000.000
Phí quản lý tại văn phòng	499.864.400	-

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

#### 3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>		
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	180.848.064.226	178.186.122.262
Công ty TNHH một thành viên khách sạn Becamex	68.510.080.376	66.434.055.011
Công ty TNHH một thành viên thương mại Becamex	412.500.000	412.500.000
Công ty cổ phần phát triển đô thị	2.753.135.250	2.167.218.651
Công ty cổ phần phát triển đô thị	109.172.348.600	109.172.348.600
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>		
Công ty cổ phần dịch vụ thương mại và xây dựng địa ốc Kim Oanh	579.170.099.140	610.203.652.780
Các khách hàng khác	25.750.936.766	54.179.126.522
Các khách hàng khác	553.419.162.374	556.024.526.258
<b>Cộng</b>	<b>760.018.163.366</b>	<b>788.389.775.042</b>

#### 3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>		
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	68.319.582.750	68.319.582.750
Công ty cổ phần phát triển đô thị	13.733.267.500	13.733.267.500
Công ty cổ phần phát triển đô thị	54.586.315.250	54.586.315.250
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>		
Công ty cổ phần dịch vụ thương mại và xây dựng địa ốc Kim Oanh	268.422.894.575	283.607.123.046
Các khách hàng khác	4.133.923.765	8.893.729.133
Các khách hàng khác	264.288.970.810	274.713.393.913
<b>Cộng</b>	<b>336.742.477.325</b>	<b>351.926.705.796</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty cổ phần kiến trúc đô thị Ngôi sao Việt	237.600.000	237.600.000
Công ty cổ phần công nghệ & truyền thông Việt Nam	3.709.203.867	3.815.640.867
Các nhà cung cấp khác	724.324.854	740.498.354
<b>Cộng</b>	<b>4.671.128.721</b>	<b>4.793.739.221</b>

### 5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

#### 5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>33.082.677.939</b>	<b>-</b>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp -TNHH một thành viên - Phải thu tiền lợi nhuận được chia từ Dự án Becamex City Center	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Công ty TNHH một thành viên khách sạn Becamex - Phải thu tiền cổ tức	-	-	3.082.677.939	-
Công ty TNHH một thành viên thương mại Becamex-Phải thu tiền cổ tức	-	-	-	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>3.805.735.510</b>	<b>-</b>	<b>3.032.242.240</b>	<b>-</b>
Lãi tiền gửi dự thu	21.507.457	-	-	-
Tiền ứng để thi công hệ thống cấp nước	621.950.000	-	621.950.000	-
Chi hộ cho Ban quản lý tòa nhà chung cư New Horizon, tòa nhà Becamex Tower	437.242.847	-	82.003.520	-
Phải thu tiền chi hộ làm sổ cho khách hàng mua căn hộ New Horizon	15.710.322	-	15.710.322	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	116.764.214	-	130.064.214	-
Tạm ứng công tác	1.858.934.337	-	1.972.149.194	-
Các khoản phải thu khác	733.626.333	-	210.364.990	-
<b>Cộng</b>	<b>33.805.735.510</b>	<b>-</b>	<b>36.114.920.179</b>	<b>-</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>470.632.391.459</b>	<b>-</b>	<b>470.267.062.076</b>	<b>-</b>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp -TNHH một thành viên – Tiền đầu tư góp vốn xây dựng Dự án Becamex City Center <sup>(*)</sup>	470.632.391.459	-	470.267.062.076	-
<b>Phải thu các cá nhân khác</b>	<b>251.700.000</b>	<b>-</b>	<b>216.700.000</b>	<b>-</b>
Ký quỹ, ký cược dài hạn	251.700.000	-	216.700.000	-
<b>Cộng</b>	<b>470.884.091.459</b>	<b>-</b>	<b>470.483.762.076</b>	<b>-</b>

(\*) Đây là dự án hợp tác kinh doanh với Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên để xây dựng Dự án Becamex City Center. Với diện tích hơn 61.000m<sup>2</sup>, có tổng số vốn đầu tư lên tới 2.500 tỷ VND, dự án là một khu phức hợp các công trình dịch vụ như văn phòng làm việc, căn hộ cao cấp, trung tâm thương mại, khách sạn 5 sao, khu vui chơi nghỉ dưỡng, bãi đỗ xe, công viên,... và nhiều tiện ích khác. Một số công trình của dự án đã hoàn thành và đưa vào khai thác, một số công trình khác vẫn đang trong quá trình xây dựng để hoàn thiện.

### 6. Nợ quá hạn

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu kỳ	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Các bên liên quan</b>		<b>3.405.629.000</b>	<b>3.405.629.000</b>		<b>6.281.968.000</b>	<b>6.281.968.000</b>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH MTV						
Phải thu tiền bán bất động sản	Dưới 06 tháng	1.429.760.000	1.429.760.000	Dưới 06 tháng	6.281.968.000	6.281.968.000
Phải thu tiền bán bất động sản	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	1.975.869.000	1.975.869.000			
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>		<b>431.776.101.223</b>	<b>431.776.101.223</b>		<b>460.914.876.321</b>	<b>460.914.876.321</b>
Công ty cổ phần dịch vụ thương mại và xây dựng địa ốc Kim Oanh					54.179.126.522	54.179.126.522
Phải thu tiền bán bất động sản	Dưới 06 tháng	6.705.780.000	6.705.780.000	Dưới 06 tháng	33.477.481.769	33.477.481.769
Phải thu tiền bán bất động sản	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	17.565.506.766	17.565.506.766	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	20.701.644.753	20.701.644.753
Phải thu tiền bán bất động sản	Từ 01 đến dưới 02 năm	1.479.650.000	1.479.650.000			
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác					406.735.749.799	406.735.749.799
Phải thu tiền bán bất động sản	Dưới 06 tháng	72.215.889.358	72.215.889.358	Dưới 06 tháng	135.296.986.948	135.296.986.948

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu tiền bán bất động sản	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	112.849.332.861	112.849.332.861	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	69.219.559.374	69.219.559.374
Phải thu tiền bán bất động sản	Từ 01 đến dưới 02 năm	89.922.179.109	89.922.179.109	Từ 01 đến dưới 02 năm	81.371.499.748	81.371.499.748
Phải thu tiền bán bất động sản	Từ 02 đến dưới 03 năm	48.549.825.310	48.549.825.310	Từ 02 đến dưới 03 năm	47.012.837.214	47.012.837.214
Phải thu tiền bán bất động sản	Trên 03 năm	82.487.937.819	82.487.937.819	Trên 03 năm	73.834.866.515	73.834.866.515
<b>Cộng</b>		<b>435.181.730.223</b>	<b>435.181.730.223</b>		<b>467.196.844.321</b>	<b>467.196.844.321</b>

### 7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	1.462.197.938	-	1.985.111.862	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	4.613.600.267.300	-	4.411.324.274.747	-
Hàng hóa	23.198.815.198	-	23.188.022.398	-
<b>Cộng</b>	<b>4.638.261.280.436</b>	<b>-</b>	<b>4.436.497.409.007</b>	<b>-</b>

(\*) Chủ yếu là chi phí dở dang của các công trình xây dựng nhà phố, khu thương mại, nhà biệt thự, nhà chung cư... Trong đó, công trình Khu đô thị IJC có số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 2.318.131.130.162 VND (số dư đầu kỳ là 2.150.743.079.952 VND). Công trình này đang trong quá trình xây dựng, phần lớn phản ánh chi phí chuyển quyền sử dụng đất. Ngoài ra còn phát sinh một số chi phí khác như phí khảo sát địa chất địa hình, xây dựng nhà thô công trình, thi công hệ thống đường giao thông, thoát nước, chi phí sử dụng vốn...

Một số Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang có giá trị ghi sổ là 2.322.417.512.849 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương, Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt – Chi nhánh Bình Dương, Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á – Chi nhánh Bình Dương và để đảm bảo cho việc phát hành trái phiếu của Công ty được mua bởi Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Bình Dương.

### 8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

#### 8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Chi phí hoa hồng, quảng cáo	2.410.815.861	2.395.815.861
Chi phí khác	32.130.000	47.070.000
<b>Cộng</b>	<b>2.442.945.861</b>	<b>2.442.885.861</b>

#### 8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công cụ, dụng cụ	6.379.328.305	7.218.440.017
Chi phí duy tu, sửa chữa Quốc lộ 13	6.934.139.667	6.080.753.925
Thiết bị thu phí tự động	3.317.030.674	3.210.637.759
<b>Cộng</b>	<b>16.630.498.646</b>	<b>16.509.831.701</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu kỳ	837.448.570.558	1.605.459.924	5.320.336.408	28.333.513.700	872.707.880.590
Mua trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>837.448.570.558</b>	<b>1.605.459.924</b>	<b>5.320.336.408</b>	<b>28.333.513.700</b>	<b>872.707.880.590</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.544.680.940	692.079.924	2.696.369.884	12.865.630.931	17.798.761.679
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu kỳ	269.425.428.945	1.441.597.238	4.035.282.975	18.810.419.665	293.712.728.823
Khấu hao trong năm	7.360.534.544	29.770.998	82.934.700	573.271.272	8.046.511.514
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>276.785.963.489</b>	<b>1.471.368.236</b>	<b>4.118.217.675</b>	<b>19.383.690.937</b>	<b>301.759.240.337</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu kỳ	568.023.141.613	163.862.686	1.285.053.433	9.523.094.035	578.995.151.767
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>560.662.607.069</b>	<b>134.091.688</b>	<b>1.202.118.733</b>	<b>8.949.822.763</b>	<b>570.948.640.253</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 782.388.577.407 VND và 516.906.932.061 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho việc phát hành trái phiếu của Công ty được mua bởi Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Bình Dương và Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam (xem thuyết minh số V.19).

### 10. Tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu kỳ	4.836.480.685	2.882.779.327	1.953.701.358
Khấu hao trong kỳ		111.120.174	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>4.836.480.685</b>	<b>2.993.899.501</b>	<b>1.842.581.184</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		1.850.394.021	

### 11. Bất động sản đầu tư

#### 11a. Bất động sản đầu tư cho thuê

Chi phí mua 4 tầng tại Becamex Tower để đầu tư Trung tâm thương mại Becamex.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu kỳ	185.090.978.661	11.733.826.800	173.357.151.861
Khấu hao trong năm		927.923.760	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>185.090.978.661</b>	<b>12.661.750.560</b>	<b>172.429.228.101</b>

Tại thời điểm cuối kỳ Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư trên.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 12. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chung cư IJC Aroma	109.652.785.931	109.652.785.931	104.899.764.188	104.899.764.188
Dự án Rosemary	93.859.078.500	93.859.078.500	93.859.078.500	93.859.078.500
<b>Cộng</b>	<b>203.511.864.431</b>	<b>203.511.864.431</b>	<b>198.758.842.688</b>	<b>198.758.842.688</b>

Các dự án trên tạm dừng vì công ty chờ thời điểm thích hợp để triển khai tiếp.

### 13. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn

#### 13a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>1.302.335.737.649</b>	<b>1.055.296.965.446</b>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	1.088.030.379.137	859.949.502.957
Công ty TNHH một thành viên khách sạn Becamex	-	-
Công ty TNHH một thành viên thương mại Becamex	388.474.547	-
Công ty cổ phần bê tông Becamex	52.752.147.738	48.899.935.013
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam - Singapore	140.129.327.360	140.129.327.360
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương	21.035.408.867	6.318.200.116
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>1.708.525.739</b>	<b>1.727.553.214</b>
Các nhà cung cấp khác	1.708.525.739	1.727.553.214
<b>Cộng</b>	<b>1.304.044.263.388</b>	<b>1.057.024.518.660</b>

#### 13b. Phải trả người bán dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>568.300.583.500</b>	<b>403.982.110.500</b>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	568.300.583.500	403.982.110.500
<b>Cộng</b>	<b>568.300.583.500</b>	<b>403.982.110.500</b>

#### 13c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

### 14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Dự án phố Thương mại IJC2 - Mỹ Phước 3	2.888.849.161	3.592.100.000
Dự án phố Thương mại IJC - Mỹ Phước 3	695.000.000	695.000.000
Dự án chung cư IJC Aroma	1.938.803.998	1.574.536.000
Dự án The Green River	1.104.370.167	560.137.500
Khách hàng trang trí nội thất	712.359.000	712.359.000
Dự án Khu dân cư IJC Vĩnh Tân	52.891.036	172.200.000
Các khách hàng khác	414.235.915	1.182.318.658
<b>Cộng</b>	<b>7.806.509.277</b>	<b>8.488.651.158</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	2.890.709.743	(104.776.081)	2.785.933.662
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.197.327.460	1.098.066.008	(3.197.327.460)	1.098.066.008
Thuế thu nhập cá nhân(*)	(23.620.465)	86.977.326	(54.760.573)	8.596.288
Các loại thuế khác	-	625.619.973	(625.619.973)	-
<b>Cộng</b>	<b>3.173.706.995</b>	<b>4.701.373.050</b>	<b>(3.982.484.087)</b>	<b>3.892.595.958</b>

(\*) Khoản thuế thu nhập cá nhân nộp thừa được trình bày trên khoản thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

#### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Không chịu thuế
- Các hoạt động khác: 10%

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Theo hợp đồng B.O.T đã ký giữa Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương và Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp (nay là Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên) và Công văn số 8900/CT-KTr1 ngày 07 tháng 11 năm 2008 của Cục thuế tỉnh Bình Dương, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động thu phí tuyến Quốc lộ 13 – tỉnh Bình Dương trong 04 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 09 năm tiếp theo. Như vậy:

- Đối với Dự án I từ Km1+248 đến Km28+178 dài 27,197 km từ gần cầu Vĩnh Bình huyện Thuận An đến Ngã ba Đài Hoa Sen - Khu công nghiệp Tân Định, Bến Cát: có thu nhập chịu thuế từ năm 2002. Hiện nay dự án này đã hết thời hạn được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Đối với Dự án II từ Km28+000 đến Km65+355 dài 37,584 km từ Đài vệ tinh Tân Định, Bến Cát đến Cầu Tham Rốt giáp ranh tỉnh Bình Phước: Công ty có thu nhập chịu thuế từ năm 2008 và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 là năm thứ 05 Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.482.170.377	26.095.836.518
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Các khoản điều chỉnh tăng	705.968.134	1.014.423.000
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập tính thuế	8.188.138.511	27.110.259.518
Trong đó		

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
- Hoạt động kinh doanh thu phí	39.784.231.278	33.459.142.000
- Hoạt động kinh doanh khác	(31.596.092.767)	(6.348.882.482)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo dự tính</b>	<b>1.637.627.702</b>	<b>5.964.257.095</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm theo Hợp đồng B.O.T</b>	<b>(526.261.694)</b>	<b>(1.755.958.247)</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.111.366.008</b>	<b>4.208.298.848</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	(13.300.000)	9.631.136
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>1.098.066.008</b>	<b>4.217.929.984</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

### **Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản**

Công ty phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 01% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo qui định tại Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

### **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

### **16. Phải trả người lao động**

Tiền lương tháng 6 năm 2016 còn phải trả.

### **17. Chi phí phải trả ngắn hạn/dài hạn**

#### **17a. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>195.151.611.351</b>	<b>254.724.906.394</b>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	49.917.561.740	198.576.749.442
- Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng - đất chung cư IJC Aroma	-	72.048.070.630
- Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng - đất shop Aroma	-	14.413.929.370
- Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng - đất khu biệt thự Sunflower	-	65.454.995.652
- Lãi trả chậm cổ tức	49.917.561.740	46.659.753.790
Công ty Liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam - Singapore	145.234.049.611	42.768.876.270
- Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất dự án IJC Vinh Tân	145.234.049.611	42.768.876.270
Công ty CP Xây dựng và giao thông Bình Dương	-	13.379.280.682
Trích trước giá vốn thi công Nhà Ở Xã Hội	-	13.379.280.682

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>31.134.293.828</b>	<b>24.089.274.127</b>
Trích trước giá vốn xây dựng chung cư IJC Aroma	1.209.909.233	1.937.181.959
Trích trước giá vốn xây dựng shop Aroma	162.621.146	1.633.991.325
Trích trước giá vốn khu biệt thự Sunflower	76.356.564	168.810.081
Trích trước giá vốn đầu tư cơ sở hạ tầng khu tái định cư Hòa Lợi	2.504.764.091	2.504.764.091
Chi phí lãi vay	26.001.646.431	16.829.166.670
Chi phí tiếp thị, môi giới	1.023.636.361	859.999.999
Trích trước giá vốn xây dựng nhà	155.360.002	155.360.002
<b>Cộng</b>	<b>226.285.905.179</b>	<b>278.814.180.521</b>

**17b. Chi phí phải trả dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>80.667.367.278</b>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	-	80.667.367.278
- Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất chung cư IJC Aroma	-	20.809.876.401
- Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất shop Aroma	-	4.255.070.630
- Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất dự án Prince Town	-	55.602.420.247
Công ty Liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam - Singapore	-	100.556.300.911
Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất dự án IJC Vĩnh Tân	-	100.556.300.911
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>181.223.668.189</b>

**18. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác****18a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>527.437.625.762</b>	<b>438.491.821.062</b>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	527.437.625.762	438.491.821.062
- Phải trả cổ tức	482.984.022.302	396.557.619.902
- Phải trả tiền thuê hộ thuê văn phòng Becamex Tower	2.648.666.916	2.648.666.916
- Phải trả tiền thuê hộ căn hộ Sunrise	40.518.385.473	37.998.983.173
- Phải trả tiền thuê hộ căn hộ New Horizon	1.286.551.071	1.286.551.071
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>	<b>64.050.045.153</b>	<b>41.424.602.236</b>
Bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn	450.465.204	756.171.657
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	25.527.781.255	26.135.088.255
Tiền bảo hành còn phải trả nhà cung cấp	4.446.902.986	4.426.126.334

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Cổ tức phải trả	23.868.929.700	642.179.900
Phí bảo trì chung cư IJC Aroma	8.066.952.108	8.054.290.164
Phí bảo trì chung cư New Horizon	500.926.838	422.462.240
Phải trả doanh thu cho gian hàng tại Trung tâm thương mại Becamex	160.115.907	160.115.907
Thù lao Hội đồng quản trị	-	573.000.000
Các khoản phải trả khác	1.027.971.155	1.118.851.967
<b>Cộng</b>	<b>591.487.670.915</b>	<b>480.780.107.486</b>

### 18b. Phải trả dài hạn khác

Khoản tiền ký quỹ của khách hàng thuê gian hàng tại Trung tâm thương mại Becamex.

### 18c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

## 19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

### 19a. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	230.611.593.328	270.632.105.828
Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương <sup>(i)</sup>	186.256.182.529	226.933.495.291
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương <sup>(ii)</sup>	44.355.410.799	43.698.610.537
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	182.750.000.000	115.750.000.000
<b>Cộng</b>	<b>413.361.593.328</b>	<b>386.382.105.828</b>

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; diện tích 38.050 m<sup>2</sup> tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp số 01/2014/1728454/HĐBĐ ngày 16 tháng 9 năm 2014.

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; diện tích 11.552 m<sup>2</sup> tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp số 167TC15 ngày 08 tháng 12 năm 2015.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu kỳ	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay kết chuyển trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	270.632.105.828	46.996.677.383	-	(87.017.189.883)	230.611.593.328
Vay dài hạn đến hạn trả	115.750.000.000	-	101.375.000.000	(34.375.000.000)	182.750.000.000
<b>Cộng</b>	<b>386.382.105.828</b>	<b>46.996.677.383</b>	<b>101.375.000.000</b>	<b>(121.392.189.883)</b>	<b>413.361.593.328</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 19b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	446.875.000.000	494.250.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương - Chi nhánh Bình Dương <sup>(i)</sup>	15.000.000.000	21.000.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt - Chi nhánh Bình Dương <sup>(ii)</sup>	75.000.000.000	90.000.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á - Chi nhánh Bình Dương <sup>(iii)</sup>	55.875.000.000	74.500.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương <sup>(iv)</sup>	90.000.000.000	105.000.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á - Chi nhánh Bình Dương <sup>(v)</sup>	211.000.000.000	203.750.000.000
Trái phiếu thường dài hạn <sup>(vi)</sup>	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.446.875.000.000</b>	<b>1.494.250.000.000</b>

- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền cải tạo (rải nhựa, nâng cấp, sửa chữa,...) mua sắm các trang thiết bị, thanh toán chi phí bố trí lại trạm thu phí nút giao thông Phú Long, thị xã Thuận An và các chi phí khác trên tuyến Quốc lộ 13. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với diện tích 11.552m<sup>2</sup> theo hợp đồng thế chấp số 155TT14 ngày 25 tháng 12 năm 2014.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt – Chi nhánh Bình Dương để tài trợ lại một phần vốn đã đầu tư vào dự án Khu đô thị IJC. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với diện tích 23.995m<sup>2</sup> theo hợp đồng thế chấp số 0076/01414/01A.HĐTCQSDĐ ngày 04 tháng 9 năm 2014.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á – Chi nhánh Bình Dương để tài trợ lại một phần vốn đã đầu tư vào dự án Prince Town. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với diện tích 24.543m<sup>2</sup> theo hợp đồng thế chấp số 1188.14/HĐTC ngày 08 tháng 9 năm 2014; và quyền sử dụng đất tại xã Thới Hòa, Bến Cát, tỉnh Bình Dương với diện tích 22.388,4m<sup>2</sup> theo hợp đồng thế chấp số 1287.14/HĐTC ngày 31 tháng 12 năm 2014.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để tài trợ lại một phần vốn đã đầu tư vào dự án IJC Aroma. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên với diện tích 40.947m<sup>2</sup> theo hợp đồng thế chấp số 01/2015/1728454/HĐĐB ngày 05 tháng 6 năm 2015.
- (v) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á – Chi nhánh Bình Dương để thực hiện dự án khu dân cư Hòa Lợi-IJC và bù đắp một phần vốn đã đầu tư vào dự án Khu đô thị IJC. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên với diện tích 28.221m<sup>2</sup> theo hợp đồng thế chấp số 210-60/15/VAB/HĐTCBLBDS ngày 01 tháng 6 năm 2015, diện tích 40.648 m<sup>2</sup> theo hợp đồng thế chấp số 210-131/15/VAB/HĐTCBLBDS ngày 24 tháng 11 năm 2015.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(vi) Trái phiếu thường dài hạn bao gồm:

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị
<i>Trái phiếu phát hành cho các tổ chức khác</i>			<b>1.000.000.000.000</b>			<b>1.000.000.000.000</b>
Phát hành theo mệnh giá			1.000.000.000.000			1.000.000.000.000
<i>Phát hành cho Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong<sup>(a)</sup></i>	10,25 %/năm	05 năm	600.000.000.000	10,125 %/năm	05 năm	600.000.000.000
<i>Phát hành cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam<sup>(b)</sup></i>	10,125 %/năm	05 năm	400.000.000.000	10,125 %/năm	05 năm	400.000.000.000
<b>Cộng</b>			<b><u>1.000.000.000.000</u></b>			<b><u>1.000.000.000.000</u></b>

(a) Trái phiếu phát hành để huy động vốn triển khai dự án đầu tư Sunflower mở rộng và tăng quy mô vốn kinh doanh.

- Ngày phát hành : ngày 25 tháng 9 năm 2014.
- Ngày đáo hạn : ngày 25 tháng 9 năm 2019.
- Kỳ thanh toán lãi : 6 tháng/lần.
- Lãi suất : kỳ tính lãi đầu tiên và kỳ thứ hai: 12,2%/năm; các kỳ tiếp theo: lãi suất bình quân của lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của 4 ngân hàng sau: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam, Ngân hàng hương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam và Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam cộng lãi biên 4%/năm.
- Hình thức đảm bảo : khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền quản lý và thu phí giao thông Dự án đầu tư BOT: “Nâng cấp và mở rộng QL13-tỉnh Bình Dương-từ Km1+248 đến Km 28+178-dài 27,297 Km”; quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 45.182 m<sup>2</sup> tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

(b) Trái phiếu phát hành để huy động vốn triển khai dự án đầu tư Prince Town mở rộng.

- Ngày phát hành : ngày 31 tháng 10 năm 2014.
- Ngày đáo hạn : ngày 31 tháng 10 năm 2019.
- Kỳ thanh toán lãi : 6 tháng/lần.
- Lãi suất : kỳ tính lãi đầu tiên và kỳ thứ hai: 12,2%/năm; các kỳ tiếp theo: lãi suất bình quân của lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của 4 ngân hàng sau: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam, Ngân hàng hương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam và Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam cộng lãi biên 4%/năm.
- Hình thức đảm bảo : khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền quản lý và thu phí giao thông Dự án đầu tư BOT: “Nâng cấp và mở rộng QL13-tỉnh Bình Dương-từ Km28+000 đến Km 65+355 dài 37.584 m”; quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 9.714 m<sup>2</sup> tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một,

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tỉnh Bình Dương thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Trên 05 năm</u>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Vay dài hạn ngân hàng	629.625.000.000	182.750.000.000	446.875.000.000	-
Trái phiếu thường	1.000.000.000.000	-	1.000.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.629.625.000.000</b>	<b>182.750.000.000</b>	<b>1.446.875.000.000</b>	-
<b>Số đầu kỳ</b>				
Vay dài hạn ngân hàng	610.000.000.000	115.750.000.000	494.250.000.000	-
Trái phiếu thường	1.000.000.000.000	-	1.000.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.610.000.000.000</b>	<b>115.750.000.000</b>	<b>1.494.250.000.000</b>	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay dài hạn ngân hàng	494.250.000.000	54.000.000.000	101.375.000.000	446.875.000.000
Trái phiếu thường	1.000.000.000.000	-	-	1.000.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.494.250.000.000</b>	<b>54.000.000.000</b>	<b>101.375.000.000</b>	<b>1.446.875.000.000</b>

### 19c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

### 20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu kỳ	-	-
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	3.438.433.335	6.822.942.663
Chi quỹ trong kỳ	(1.783.424.608)	(3.488.667.791)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.655.008.727</b>	<b>3.334.274.872</b>

### 21. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Khu phố thương mại IJC2 - Mỹ Phước 3	4.620.204.548	4.695.774.537
Dự án Khu đô thị IJC	3.133.148.632	3.133.148.632
<b>Cộng</b>	<b>7.753.353.180</b>	<b>7.828.923.169</b>

### 22. Vốn chủ sở hữu

#### 22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu kỳ trước	2.741.945.250.000	10.420.226.000	81.606.382.163	261.621.321.663	3.095.593.179.826
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	21.887.537.673	21.887.537.673
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	(6.822.942.663)	(6.822.942.663)

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Chia cổ tức	-	-	-	(219.355.620.000)	(219.355.620.000)
Số dư cuối năm trước	<u>2.741.945.250.000</u>	<u>10.420.226.000</u>	<u>81.606.382.163</u>	<u>57.330.296.673</u>	<u>2.891.302.154.836</u>
Số dư đầu kỳ này	2.741.945.250.000	10.420.226.000	81.606.382.163	136.341.981.998	2.970.313.840.161
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	6.370.804.369	6.370.804.369
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	(3.438.433.335)	(3.438.433.335)
Chia cổ tức	-	-	-	(109.677.810.000)	(109.677.810.000)
Số dư cuối năm nay	<u>2.741.945.250.000</u>	<u>10.420.226.000</u>	<u>81.606.382.163</u>	<u>29.596.543.032</u>	<u>2.863.568.401.195</u>

### 22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	2.160.660.060.000	2.160.660.060.000
Các cổ đông khác	581.285.190.000	581.285.190.000
<b>Cộng</b>	<u>2.741.945.250.000</u>	<u>2.741.945.250.000</u>

### 22c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	274.194.525	274.194.525
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	274.194.525	274.194.525
- Cổ phiếu phổ thông	274.194.525	274.194.525
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	274.194.525	274.194.525
- Cổ phiếu phổ thông	274.194.525	274.194.525
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán vé cầu đường	57.164.626.105	52.811.764.626
Doanh thu kinh doanh bất động sản	16.355.172.476	108.343.478.947
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	846.035.933	888.164.918
Doanh thu hợp đồng xây dựng	31.240.920.864	-
Doanh thu dịch vụ khác	1.185.000.000	1.185.000.000
<b>Cộng</b>	<u>106.791.755.378</u>	<u>163.228.408.491</u>



## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là Công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên</b>		
Thi công xây dựng nhà ở xã hội	-	-
Thi công thăm nhạ	31.240.920.864	-
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giảm giá hàng bán	34.507.184	13.818.182
Hàng bán bị trả lại	10.649.719.847	1.361.748.637
<b>Cộng</b>	<b><u>10.684.227.031</u></b>	<b><u>1.375.566.819</u></b>
<b>3. Giá vốn hàng bán</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn vé cầu đường	10.609.752.710	11.410.523.850
Giá vốn kinh doanh bất động sản	9.099.388.041	78.422.611.662
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	1.233.104.573	1.300.229.739
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	28.973.024.392	-
Giá vốn dịch vụ khác	1.373.897.526	1.614.175.942
<b>Cộng</b>	<b><u>51.289.167.242</u></b>	<b><u>92.747.541.193</u></b>
<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	476.137.576	220.940.350
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	49.764.200	64.697.874
<b>Cộng</b>	<b><u>525.901.776</u></b>	<b><u>285.638.224</u></b>
<b>5. Chi phí tài chính</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	25.164.777.902	25.153.967.426
Tiền lãi cố tức chậm trả	3.257.807.950	3.257.808.009
<b>Cộng</b>	<b><u>28.422.585.852</u></b>	<b><u>28.411.775.435</u></b>
<b>6. Chi phí bán hàng</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.322.617.975	2.793.802.175
Chi phí vật liệu, bao bì	647.924.125	865.549.799
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	24.574.190	21.163.682
Chi phí khấu hao tài sản cố định	112.605.601	129.401.843
Chi phí hoa hồng môi giới	163.636.364	3.513.272.743
Chi phí dịch vụ mua ngoài	372.203.595	255.626.693
Các chi phí khác	44.797.395	1.111.268.482
<b>Cộng</b>	<b><u>4.688.359.245</u></b>	<b><u>8.690.085.417</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	3.320.066.455	2.510.174.450
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	76.876.803	102.722.723
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	93.338.485	174.929.832
Chi phí khấu hao tài sản cố định	185.453.383	222.442.276
Chi phí dịch vụ mua ngoài	830.592.301	1.110.628.465
Các chi phí khác	992.703.252	2.093.135.106
<b>Cộng</b>	<b><u>5.499.030.679</u></b>	<b><u>6.214.032.852</u></b>

### 8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	689.136.806	-
Tiền bồi thường	58.492.725	23.856.364
Thu nhập khác	253.742	13.976.436
<b>Cộng</b>	<b><u>747.883.273</u></b>	<b><u>37.832.800</u></b>

### 9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí vật tư sửa chữa các trụ đèn chiếu sáng bị hư hỏng	-	10.040.000
Chi phí khác	1	7.001.281
<b>Cộng</b>	<b><u>1</u></b>	<b><u>17.041.281</u></b>

### 10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.547.917.400	3.876.881.948
Chi phí nhân công	7.290.132.082	5.969.588.521
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.085.555.448	9.122.959.035
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.170.131.034	2.674.981.864
Chi phí khác	1.746.332.981	7.420.121.218
<b>Cộng</b>	<b><u>22.840.068.945</u></b>	<b><u>29.064.532.586</u></b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Từ 01 năm trở xuống	7.740.000.000	7.740.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	15.740.000.000	17.675.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>23.480.000.000</u></b>	<b><u>25.415.000.000</u></b>

Tổng số tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là doanh thu trong năm là 1.935.000.000 VND (năm trước là 1.935.000.000 VND).

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong kỳ là 463.516.625 VND (năm trước là 339.570.000VND).

#### 2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	Công ty mẹ
Công ty TNHH một thành viên khách sạn Becamex	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên thương mại Becamex	Công ty con
Công ty cổ phần bê tông Becamex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển đô thị	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam – Singapore	Công ty liên kết với Công ty mẹ

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên</b>		
Ứng tiền đền bù giải tỏa và đầu tư xây dựng Dự án Becamex City Center	365.329.383	4.836.649.805
Cổ tức phải trả	86.426.402.400	172.852.804.800
Lãi cổ tức phải trả	3.257.807.940	3.257.808.009
Tiền điện sử dụng tại công trình Prince	37.564.211	10.888.880

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Town		
Tiền điện, nước sử dụng tại căn hộ Aroma	-	91.909
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ đô thị Bình Dương xây dựng dự án Nhà phố Prince Town theo hợp đồng 45/DTMBD	56.217.895.491	-
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ đô thị Bình Dương xây dựng dự án Khu đô thị Đông Đô Đại Phố theo hợp đồng 226/DTMBD	169.939.681.973	-
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ đô thị Bình Dương xây dựng dự án Chung cư IJC Aroma theo hợp đồng 163/DTMBD	114.999.998.955	-
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ đô thị Bình Dương xây dựng dự án Chung cư IJC Aroma theo hợp đồng 232/DTMBD	65.999.999.400	-
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp và dân cư ấp 5B Thới Hòa, Bến Cát, Bình Dương xây dựng dự án Khu biệt thự The Green River (lô 5B24-33') theo hợp đồng 403/HĐKT	-	76.120.825.465
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ đô thị Bình Dương xây dựng dự án TĐC Hòa lợi theo hợp đồng 68/HĐNT	-	142.674.953.976
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ đô thị Bình Dương xây dựng dự án KDC Hòa lợi theo hợp đồng 59/HĐNT	-	437.724.752.727
<b>Công ty cổ phần xây dựng giao thông Bình Dương</b>		
Thi công xây dựng nhà	13.379.280.682	
<b>Công ty cổ phần bê tông Becamex</b>		
Mua vật liệu xây dựng	43.184.502	
Thi công xây dựng nhà	2.860.068.311	
Thi công thấm nhựa	28.973.024.392	

Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

***Cam kết bảo lãnh***

Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên dùng quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương, Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á – Chi nhánh Bình Dương và để đảm bảo cho việc phát hành trái phiếu của Công ty được mua bởi

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong, Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 772.500.000.000 VND (xem thuyết minh số V.19).

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V3, V.5, V.13, V.17 và V.18.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

### 3. Chi phí lãi vay vốn hoá

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay vốn hoá	27.812.382.884	32.732.659.987
<b>Tổng chi phí lãi vay</b>	<b>52.977.160.786</b>	<b>57.886.627.413</b>
Tỷ lệ vốn hóa	52%	57%

### 4. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh

#### 4a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực bán vé cầu đường: bán vé thu phí Quốc lộ 13.
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản: Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị.
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản đầu tư: dịch vụ cho thuê gian hàng trong trung tâm thương mại Becamex Tower.
- Lĩnh vực khác: xây dựng nhà, thi công hạ tầng.

Thông tin về lĩnh vực kinh doanh trong năm của Công ty được thể hiện ở Phụ lục đính kèm từ trang 34 đến trang 36.

#### *Khu vực địa lý*

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là tại địa bàn tỉnh Bình Dương.

### 5. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

#### 5a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân, các đơn vị cùng Tập đoàn có khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

### Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.7 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.834.096.479	-	-	-	47.834.096.479
Phải thu khách hàng	661.578.910.468	-	435.181.730.223	-	1.096.760.640.691
Các khoản phải thu khác	504.689.826.969	-	-	-	504.689.826.969
<b>Cộng</b>	<b>1.214.102.833.916</b>	<b>-</b>	<b>435.181.730.223</b>	<b>-</b>	<b>1.649.284.564.139</b>
<b>Số đầu kỳ</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	66.849.913.736	-	-	-	66.849.913.736
Phải thu khách hàng	673.119.636.517	-	467.196.844.321	-	1.140.316.480.838
Các khoản phải thu khác	523.108.513.956	-	-	-	523.108.513.956
<b>Cộng</b>	<b>1.263.078.064.209</b>	<b>-</b>	<b>467.196.844.321</b>	<b>-</b>	<b>1.730.274.908.530</b>

Chi tiết thời gian quá hạn của khoản phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Quá hạn dưới 06 tháng	80.351.429.358	175.056.436.717
Quá hạn trên 06 tháng đến dưới 01 năm	132.390.708.627	89.921.204.127
Quá hạn trên 01 năm đến dưới 02 năm	91.401.829.109	81.371.499.748
Quá hạn trên 02 năm đến 03 năm	48.549.825.310	47.012.837.214
Quá hạn trên 03 năm	82.487.937.819	73.834.866.515
<b>Cộng</b>	<b>435.181.730.223</b>	<b>467.196.844.321</b>

### 5b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>				
Vay và nợ	580.191.460.903	1.787.966.416.294	-	2.368.157.877.196
Phải trả người bán	1.304.044.263.388	568.300.583.500	-	1.872.344.846.888
Các khoản phải trả khác	819.656.701.135	228.000.000	-	819.884.701.135
<b>Cộng</b>	<b>2.703.892.425.426</b>	<b>2.356.494.999.794</b>	<b>-</b>	<b>5.060.387.425.219</b>
<b>Số đầu kỳ</b>				
Vay và nợ	421.716.132.610	2.057.745.208.333	-	2.479.461.340.943
Phải trả người bán	1.057.024.518.660	403.982.110.500	-	1.461.006.629.160
Các khoản phải trả khác	761.673.083.782	181.518.668.189	-	943.191.751.971
<b>Cộng</b>	<b>2.240.413.735.052</b>	<b>2.643.245.987.022</b>	<b>-</b>	<b>4.883.659.722.074</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

### 5c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty chỉ có rủi ro lãi suất.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 3 năm 2016 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của, lãi suất sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

#### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty chỉ có các khoản vay với lãi suất thả nổi tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 1.860.236.593.328 VND (Số đầu kỳ là 1.860.087.118.335 VND).

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 29.499.736.686 VND (năm trước giảm/tăng 30.968.836.981 VND).

**5d. Tài sản đảm bảo**

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 3 năm 2016.

**6. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính****Tài sản tài chính**

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.834.096.479	-	66.849.913.736	-
Phải thu khách hàng	1.096.760.640.691	-	1.140.316.480.838	-
Các khoản phải thu khác*	504.689.826.969	-	523.108.513.956	-
<b>Cộng</b>	<b>1.649.284.564.139</b>	<b>-</b>	<b>1.730.274.908.530</b>	<b>-</b>

**Nợ phải trả tài chính**

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phải trả người bán	1.872.344.846.888	1.461.006.629.160
Vay và nợ	1.860.236.593.328	1.880.632.105.828
Các khoản phải trả khác	819.884.701.135	943.191.751.971
<b>Cộng</b>	<b>4.552.466.141.351</b>	<b>4.284.830.486.959</b>

**Giá trị hợp lý**

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

  
Bùi Thị Thùy  
Người lập biểu

  
Trịnh Thanh Hùng  
Kế toán trưởng

  
Đỗ Quang Ngón  
Tổng Giám đốc



Bình Dương, ngày 20 tháng 07 năm 2016



**Phụ lục 1: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

Kỳ này	Hoạt động bán vé cầu đường	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư	Hoạt động khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	57.164.626.105	5.670.945.445	846.035.933	32.425.920.864		96.107.528.347
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>57.164.626.105</b>	<b>5.670.945.445</b>	<b>846.035.933</b>	<b>32.425.920.864</b>		<b>96.107.528.347</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	39.784.231.278	(26.213.985.116)	(420.741.701)	(6.415.217.356)		6.734.287.105
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						6.734.287.105
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						525.901.776
Doanh thu hoạt động tài chính						(525.901.776)
Chi phí tài chính						747.883.273
Thu nhập khác						(1)
Chi phí khác						(1.111.366.008)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>						<b>6.370.804.369</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>2.433.442.301</b>	<b>1.014.908</b>	<b>151.412</b>	<b>85.173.690</b>		<b>2.519.782.311</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>8.698.786.557</b>	<b>112.426.459</b>	<b>1.235.896.085</b>	<b>1.401.760.070</b>		<b>11.448.869.172</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		<b>-</b>

Phụ lục 1: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động bán vé cầu đường		Hoạt động kinh doanh bất động sản		Hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư		Các khoản loại trừ		Cộng
<b>Kỳ trước</b>									
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	52.811.764.626	106.967.912.128	888.164.918		1.185.000.000				161.852.841.672
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận									
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>52.811.764.626</b>	<b>106.967.912.128</b>	<b>888.164.918</b>		<b>1.185.000.000</b>				<b>161.852.841.672</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận									
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận									
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	33.201.568.274	(5.787.741.241)	(508.039.534)		(1.116.380.723)				25.789.406.775
Doanh thu hoạt động tài chính									
Chi phí tài chính									25.789.406.775
Thu nhập khác									285.638.224
Chi phí khác									
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành									37.832.800
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại									(17.041.281)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>									<b>(4.208.298.848)</b>
									<b>21.887.537.670</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>1.330.185.160</b>	<b>25.097.241</b>	<b>49.674.922</b>		<b>95.818.950</b>				<b>1.500.776.273</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>8.433.172.985</b>	<b>413.247.030</b>	<b>722.101.457</b>		<b>1.955.266.412</b>				<b>11.523.787.884</b>

Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)

**BÙI THỊ THỦY**  
Người lập biểu

**TRỊNH THANH HÙNG**  
Kế toán trưởng



**Phụ lục 1: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Đơn vị tính: VND			
	Hoạt động bán vé cầu đường	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	534.072.705.745	6.038.006.147.276	178.629.569.213	7.329.617.052.594
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				107.524.957.094
<b>Tổng tài sản</b>				<b>7.437.142.009.688</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	65.300.185.147	3.516.028.672.223	207.530.146.264	3.993.788.008.722
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				579.785.599.771
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>4.573.573.608.493</b>
<b>Số đầu kỳ</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	540.337.216.005	5.823.921.856.857	179.037.673.786	7.073.093.795.791
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				201.565.433.116
<b>Tổng tài sản</b>				<b>7.274.659.228.907</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	37.200.000.000	3.089.055.864.756	193.067.302.005	3.361.679.830.161
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				942.665.558.585
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>4.304.345.388.746</b>

  
**BÙI THỊ THÙY**  
 Người lập biểu

  
**TRỊNH THANH HÙNG**  
 Kế toán trưởng



